

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT ĐỐI VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ TỈNH BÌNH DƯƠNG THÔNG QUA BỘ CÂU HỎI QPE

Nguyễn Thái Huy Vũ⁽¹⁾

Tóm tắt:

Ứng dụng bộ câu hỏi QPE phiên bản tiếng Việt đã qua kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha và phân tích nhân tố khám phá Exploratory Factor Analysis gồm 8 nhân tố và 50 biến quan sát để khảo sát, đánh giá chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương thông qua phỏng vấn các giáo viên/giảng viên. Kết quả đánh giá như sau: Các nhân tố được đánh giá ở mức đồng ý gồm: nhân tố phát triển các yếu tố hỗ trợ, nhân tố giá trị cốt lõi của chất lượng GDTC, nhân tố chiến lược quốc gia toàn diện; Các nhân tố được đánh giá ở mức bình thường gồm: nhân tố tính linh hoạt của chương trình GDTC và nhân tố chính sách chất lượng GDTC; Nhân tố quan hệ đối tác cộng đồng không được các giáo viên/giảng viên đánh giá cao; Nhân tố hiệu quả của chương trình GDTC mới chỉ trang bị cho các em những kỹ năng vận động cơ bản về thể thao.

Từ khóa: Chất lượng GDTC, bộ câu hỏi QPE.

Assessing the quality of physical education for some schools in Ho Chi Minh City and Binh Duong province through the QPE questionnaire

Summary:

Applying the Vietnamese version of the QPE questionnaire that has been tested for reliability using Cronbach Alpha coefficient and Exploratory Factor Analysis, including 8 factors and 50 observed variables, to survey and evaluate the quality of physical education in some schools in Ho Chi Minh City and Binh Duong province through interviews with teachers/lecturers. The evaluation results are as follows: Factors assessed at the level of agreement include: the factor of developing supporting factors, the factor of core values of physical education quality, and the factor of comprehensive national strategy; Factors assessed at the average level include: the factor of flexibility of the physical education program and The quality policy factor of physical education; The community partnership factor is not highly appreciated by teachers/lecturers; The effectiveness factor of the physical education program only equips children with basic sports skills.

Keywords: Quality of vocational education, QPE question set.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng GDTC liên quan kiến thức, nội dung các hoạt động thể thao, chương trình giảng dạy, hướng dẫn và đánh giá, cũng như phát triển các yếu tố hỗ trợ như cơ sở vật chất đảm bảo an toàn, người hướng dẫn chuyên nghiệp, cơ hội học tập mở rộng, chính sách hòa nhập, cân bằng giới và bình đẳng trong giáo dục... Sự phức tạp trong việc phối hợp các khía cạnh này đối với các chương trình cải cách chất lượng trong GDTC đòi hỏi phải lập kế hoạch cẩn thận, hiểu biết và các quá trình thử nghiệm trong trường học. Tại Việt Nam, có khá nhiều khảo sát và

nghiên cứu về chất lượng GDTC được thực hiện, nhưng chưa có công trình nào sử dụng bảng hỏi QPE để tìm hiểu vấn đề này. Tính ưu việt và thông tin mang lại từ bảng hỏi được nhiều quốc gia thừa nhận và kết quả đánh giá có thể sử dụng để đối chiếu, so sánh với một số quốc gia khác thuộc khu vực châu Á. Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu đánh giá chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương thông qua bộ câu hỏi QPE, làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng công tác GDTC trường học.

⁽¹⁾ThS, Trường Đại học Khánh Hòa; Email: nguyenthaihuylvu@ukh.edu.vn

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp được sử dụng: phương pháp đọc, phân tích và tổng hợp tài liệu; điều tra xã hội; toán thống kê.

Bộ câu hỏi QPE gồm 8 nhân tố và 50 biến quan sát. Bảng khảo sát chất lượng GDTC phiên bản tiếng Việt đã được chuẩn hóa thông qua kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach' Alpha và Phân tích nhân tố khám phá Exploratory Factor Analysis (EFA)), làm cơ sở để đánh giá chất lượng GDTC tại một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương.

Mẫu/ khách thể khảo sát: 125 giảng viên, giáo viên GDTC.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đánh giá thực trạng chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương

Luận văn tiến hành điều tra khảo sát chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương bằng phiếu hỏi QPE gồm 8 nhân tố và 50 biến quan sát với tổng số phiếu phát ra là 125 phiếu và thu về 114 phiếu (đạt tỷ lệ 91.2%). Tuy nhiên, trong quá trình nhập liệu và làm sạch số liệu có 5 phiếu không hợp lệ, do đó mẫu chính thức còn lại 109 phiếu.

1.1. Đặc điểm nhân khẩu học của khách thể khảo sát

Đặc điểm nhân khẩu học của khách thể khảo sát được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của khách thể khảo sát (n = 109)

TT	Nội dung		Tần số	Tỷ lệ %
1	Giới tính	Nam	57	52.3
		Nữ	52	47.7
2	Trình độ đào tạo chuyên môn	Cử nhân	74	67.9
		Thạc sĩ	29	26.6
		Tiến sĩ	5	4.6
		Phó giáo sư	1	0.9
3	Tỉnh/thành phố	TP. Hồ Chí Minh	71	65.1
		Bình Dương	38	34.9
4	Năm kinh nghiệm làm việc trong GDTC	1-5 năm	11	10.1
		6-10 năm	22	20.2
		11-15 năm	36	33.0
		16-20 năm	18	16.5
		21-25 năm	17	15.6
		26-30 năm	4	3.7
		31-35 năm	1	0.9
5	Vị trí làm việc	Giáo viên trường Tiểu học	13	11.9
		Giáo viên trường Trung học cơ sở	30	27.5
		Giáo viên trường Trung học phổ thông	37	33.9
		Giáo viên trường trung cấp/cao đẳng	18	16.5
		Giảng viên trong viện/đại học	11	10.1
6	Loại hình trường học	Công lập	93	85.3
		Dân lập	16	14.7

(Nguồn: Kết quả xử lý SPSS 20.0)

Qua bảng 1 cho thấy đặc điểm nhân khẩu học của khách thể khảo sát như sau: Số giáo viên/giảng viên giảng dạy GDTC là nam giới cao hơn nữ giới 1.1 lần; Trình độ đào tạo chuyên môn đa số là đại học (chiếm tỷ lệ 67.9%) và sau đại học (chiếm tỷ lệ 32.1%); Giáo viên/giảng viên giảng dạy GDTC làm việc tại TP. Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ 65.1%, còn lại là làm việc tại tỉnh Bình Dương; Số năm kinh nghiệm làm việc trong GDTC chiếm tỷ lệ cao nhất là từ 11 đến 15 năm (chiếm tỷ lệ 33.0%), thấp nhất là từ 31

đến 35 năm (chiếm tỷ lệ 0.9%); Giáo viên/giảng viên chủ yếu làm việc ở trường Trung học phổ thông (33.9%), trường Trung học cơ sở (27.5%); Loại hình trường học chủ yếu là trường công lập (85.3%) và dân lập (14.7%).

1.2 Thực trạng chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương.

- Kết quả thống kê mô tả nhân tố phát triển các yếu tố hỗ trợ (YTHT):

Bảng 2. Kết quả thống kê mô tả nhân tố phát triển các yếu tố hỗ trợ (n=109)

TT	Mã hóa	Nội dung biến quan sát	$\bar{x}$	δ
1	YTHT1	Các trường học trong thành phố của chúng tôi có cơ sở vật chất an toàn và phù hợp cho việc dạy và học môn Thể dục.	3.80	0.590
2	YTHT2	Các trường học trong thành phố của chúng tôi có môi trường an toàn và phù hợp để giảng dạy và học tập GDTC.	3.77	0.555
3	YTHT3	Các trường học trong thành phố của chúng tôi có trang thiết bị an toàn và phù hợp để giảng dạy và học tập GDTC.	3.78	0.567

Qua bảng 2 có thể nhận thấy các biến quan sát đo lường phát triển các yếu tố hỗ trợ được giáo viên/giảng viên đánh giá gần ở mức đồng ý, với mức ý nghĩa của thang đo Likert 5 mức độ từ khoảng 3.77 đến 3.80 (độ lệch chuẩn chấp

nhận được với $\delta=0.555-0.590$). Qua đó có thể thấy những yếu tố hỗ trợ được các giáo viên/giảng viên đánh giá ở mức chấp nhận.

- Kết quả thống kê mô tả nhân tố quan hệ đối tác cộng đồng:

Bảng 3. Kết quả thống kê mô tả nhân tố quan hệ đối tác cộng đồng (ĐTCD) (n=109)

TT	Mã hóa	Nội dung biến quan sát	$\bar{x}$	δ
1	ĐTCD1	Cơ quan quản lý giáo dục của thành phố chúng tôi có mối quan hệ rõ ràng với các tổ chức tài chính quốc tế để đảm bảo GDTC được đưa vào như một phần của chương trình viện trợ của họ trong giáo dục	2.39	0.609
2	ĐTCD2	Cơ quan giáo dục của thành phố chúng tôi khuyến khích các kế hoạch hợp tác quốc tế thường xuyên giữa các viện trong việc chuẩn bị cho sự phát triển chất lượng GDTC trong các trường học	2.40	0.610
3	ĐTCD3	Cơ quan giáo dục của thành phố chúng tôi khuyến khích các kế hoạch hợp tác thường xuyên giữa các thành phố, các viện để chuẩn bị cho sự phát triển chất lượng của GDTC trong các trường học	2.44	0.615

Qua bảng 3 có thể nhận thấy các biến quan sát đo lường quan hệ đối tác cộng đồng không được các giáo viên/giảng viên đánh giá cao, với mức ý nghĩa của thang đo Likert 5 mức độ từ khoảng 2.39 đến 2.44 (độ lệch chuẩn chấp nhận được với $\delta=0.609-0.615$). Qua đó có thể thấy một điều rằng, việc hợp tác và hỗ trợ để nâng

cao chất lượng về GDTC ở các trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương chưa được quan tâm nhiều, đặc biệt là các trường phổ thông.

- Kết quả thống kê mô tả nhân tố phát triển nhận thức cho học sinh (PTNT):

Bảng 4. Kết quả thống kê mô tả nhân tố phát triển nhận thức cho học sinh (n=109)

TT	Mã hóa	Nội dung biến quan sát	$\bar{x}$	δ
1	PTNT1	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi chứa các yếu tố giảng dạy giúp phát triển hiểu biết cơ bản của học sinh về tầm quan trọng của các hoạt động thể chất và sức khỏe	3.20	0.633
2	PTNT2	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi bao gồm các yếu tố giảng dạy giúp phát triển sự hiểu biết về sức khỏe và thể chất phù hợp của học sinh, bao gồm việc thiết lập và đạt được các mục tiêu cá nhân để có cuộc sống lành mạnh	3.18	0.661
3	PTNT3	Chương trình GDTC ở các trường trong thành phố của chúng tôi giúp học sinh phát triển các kỹ năng tư duy phản biện của họ	3.12	0.671
4	PTNT4	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi hỗ trợ học sinh hiểu mối quan hệ giữa các hoạt động thể chất và thể thao với sự phát triển cá nhân và xã hội	3.19	0.661
5	PTNT5	Chương trình GDTC trong các trường học ở thành phố của chúng tôi giúp học sinh nâng cao khả năng giải quyết vấn đề	3.15	0.645
6	PTNT6	Chương trình GDTC trong các trường học ở thành phố của chúng tôi nâng cao kỹ năng tư duy sáng tạo của học sinh	3.19	0.702
7	PTNT7	Chương trình GDTC trong các trường học ở thành phố của chúng tôi giúp học sinh phát triển tư duy và hành vi đạo đức được xã hội chấp nhận	3.20	0.661
8	PTNT8	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi chứa các yếu tố giảng dạy giúp hỗ trợ học sinh phát triển các kỹ năng cơ bản trong việc ra quyết định và giao tiếp	3.30	0.747

Qua bảng 4 có thể nhận thấy các biến quan sát đo lường phát triển nhận thức cho học sinh được giáo viên/giảng viên đánh giá ở mức bình thường, với mức ý nghĩa của thang đo Likert 5 mức độ từ khoảng 3.12 đến 3.30 (độ lệch chuẩn chấp nhận được với $\delta=0.661-0.747$). Điều đó có nghĩa chương trình GDTC hiện nay được áp dụng chỉ giúp học sinh nhận thức một số vấn đề về tầm quan trọng của các hoạt động thể chất và sức khỏe.

- Kết quả thống kê mô tả nhân tố giá trị cốt lõi của chất lượng GDTC (GTCL):

Qua bảng 5 có thể nhận thấy các biến quan sát đo lường giá trị cốt lõi của chất lượng GDTC được giáo viên/giảng viên đánh giá gần ở mức đồng ý, với mức ý nghĩa của thang đo Likert 5 mức độ từ khoảng 3.43 đến 3.82 (độ lệch chuẩn chấp nhận được với $\delta=0.521-0.679$). Điều đó có nghĩa giá trị cốt lõi của chất lượng GDTC được chấp nhận được như: Phát triển các kỹ năng cơ

bản của học sinh đối với các hoạt động thể chất và thể thao khác nhau; Thái độ và giá trị tích cực liên quan đến thể thao là trọng tâm của việc học trong GDTC; Các loại hình hoạt động thể chất và kiến thức liên quan là nội dung học tập môn Thể dục; Kiến thức sức khỏe được coi là một trong những lĩnh vực học tập chính trong GDTC...

- Kết quả thống kê mô tả nhân tố tính linh hoạt của chương trình GDTC (LHCT):

Qua bảng 6 có thể nhận thấy các biến quan sát đo lường tính linh hoạt của chương trình GDTC được giáo viên/giảng viên đánh giá ở mức bình thường, với mức ý nghĩa của thang đo Likert 5 mức độ từ khoảng 3.32 đến 3.46 (độ lệch chuẩn chấp nhận được với $\delta=0.507-0.654$). Điều đó có nghĩa tính linh hoạt của chương trình GDTC hiện nay ở mức chấp nhận được.

- Kết quả thống kê mô tả nhân tố chiến lược quốc gia toàn diện (CLQG):

Bảng 5. Kết quả thống kê mô tả nhân tố giá trị cốt lõi của chất lượng GDTC (n=109)

TT	Mã hóa	Nội dung biến quan sát	$\bar{x}$	δ
1	GTCL1	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi chứa các yếu tố giảng dạy giúp phát triển các kỹ năng cơ bản của học sinh đối với các hoạt động thể chất và thể thao khác nhau	3.43	0.699
2	GTCL2	Chương trình GDTC trong các trường học trong thành phố của chúng tôi nâng cao khả năng tư duy độc lập của học sinh	3.63	0.521
3	GTCL3	Thái độ và giá trị tích cực liên quan đến thể thao là trọng tâm của việc học trong GDTC ở thành phố của chúng tôi	3.58	0.566
4	GTCL4	Các loại hình hoạt động thể chất và kiến thức liên quan là nội dung học tập môn thể dục ở thành phố chúng tôi	3.72	0.679
5	GTCL5	Cơ quan giáo dục của thành phố chúng tôi đã công nhận rõ ràng về vai trò đặc biệt của GDTC như một phần của hệ thống giáo dục cân bằng, nhằm nhận ra tiềm năng con người, sức khỏe và hạnh phúc của mọi công dân	3.63	0.539
6	GTCL6	Kiến thức sức khỏe được coi là một trong những lĩnh vực học tập chính trong GDTC ở thành phố của chúng tôi	3.69	0.634
7	GTCL7	Cơ quan giáo dục thành phố của chúng tôi đã thực hiện các chính sách về GDTC như một vấn đề nhân quyền cho tất cả trẻ em	3.53	0.554
8	GTCL8	Việc dạy và học môn thể dục trong trường học của chúng tôi rất vui và thú vị	3.82	0.669

Bảng 6. Kết quả thống kê mô tả nhân tố tính linh hoạt của chương trình GDTC (n=109)

TT	Mã hóa	Nội dung biến quan sát	$\bar{x}$	δ
1	LHCT1	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi khuyến khích học sinh học hỏi và giao lưu với các bạn cùng lớp	3.40	0.654
2	LHCT2	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi khuyến khích học sinh thực hiện các trách nhiệm phù hợp để phục vụ các câu lạc bộ thể thao hoặc các hoạt động liên quan khác trong trường học, cộng đồng	3.50	0.633
3	LHCT3	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi có các cơ hội cho các hành động phù hợp để hỗ trợ học sinh duy trì lối sống năng động và lành mạnh	3.32	0.507
4	LHCT4	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi giúp học sinh hình thành thói quen tập thể dục thường xuyên	3.40	0.546
5	LHCT5	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi cung cấp cho học sinh cơ hội tham gia các hoạt động thể chất khác nhau	3.36	0.601
6	LHCT6	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi có giảng dạy các yếu tố giúp học sinh cách truyền đạt ý tưởng và cảm xúc của mình một cách hiệu quả với người khác	3.46	0.536
7	LHCT7	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi giúp học sinh phát triển các kỹ năng tham gia cần thiết cho các chương trình trong và ngoài trường học có sẵn trong cộng đồng, có khả năng tham gia và tham gia lâu dài	3.34	0.565

Bảng 7. Kết quả thống kê mô tả nhân tố chiến lược quốc gia toàn diện (n=109)

TT	Mã hóa	Nội dung biến quan sát	$\bar{x}$	δ
1	CLQG1	Cơ quan giáo dục của thành phố có kế hoạch khuyến khích mọi học sinh tham gia các hoạt động TDTT sau chương trình học bình thường và sử dụng thời gian rảnh rỗi một cách phù hợp vào các hoạt động TDTT	4.14	0.713
2	CLQG2	Cơ quan giáo dục của thành phố chúng tôi thừa nhận rằng GDTC có chất lượng tốt phụ thuộc vào các nhà giáo dục có trình độ tốt và do đó, ưu tiên được cung cấp cho việc đào tạo giáo viên có trình độ, ngay cả khi các nguồn lực khác đang thiếu	4.29	0.661
3	CLQG3	GDTC là môn học bắt buộc đối với tất cả học sinh trung học phổ thông trong thành phố của chúng tôi	4.20	0.647
4	CLQG4	GDTC là môn học bắt buộc đối với tất cả học sinh trung học cơ sở trong thành phố của chúng tôi	4.25	0.687
5	CLQG5	Học sinh trong thành phố của chúng tôi được tạo cơ hội thích hợp để học tập tích cực trong các giờ học GDTC	4.13	0.510
6	CLQG6	Tất cả các giáo viên GDTC trong thành phố của chúng tôi đều đủ tiêu chuẩn để dạy GDTC	4.37	0.740
7	CLQG7	GDTC là môn học bắt buộc đối với tất cả học sinh tiểu học trong thành phố của chúng tôi	4.18	0.675

Qua bảng 7 có thể nhận thấy các biến quan sát đo lường chiến lược quốc gia toàn diện được giáo viên/giảng viên đánh giá ở mức đồng ý, với mức ý nghĩa của thang đo Likert 5 mức độ từ khoảng 4.13 đến 4.37 (độ lệch chuẩn chấp nhận

được với $\delta=0.510-0.753$). Qua đó cho thấy chiến lược quốc gia toàn diện hiện nay được áp dụng đồng bộ, rộng rãi khắp cả nước.

- Kết quả thống kê mô tả nhân tố chính sách chất lượng GDTC (CSCL):

Bảng 8. Kết quả thống kê mô tả nhân tố chính sách chất lượng GDTC (n=109)

TT	Mã hóa	Nội dung biến quan sát	$\bar{x}$	δ
1	CSCL1	Cơ quan quản lý giáo dục của thành phố có chính sách rõ ràng để khuyến khích phát triển các cơ hội học tập bình đẳng trong chương trình GDTC của trường	3.27	0.909
2	CSCL2	Thành phố của chúng tôi có chính sách phù hợp để tăng cường khả năng tiếp cận GDTC cho tất cả trẻ em, cho dù họ có khả năng hay khuyết tật, giới tính, tuổi tác, văn hóa, chủng tộc/dân tộc, tôn giáo và nền kinh tế xã hội	3.27	0.741
3	CSCL3	Thành phố của chúng tôi có một chính sách phù hợp mở rộng cơ hội học tập trong các hoạt động thể chất thông qua việc hỗ trợ các chương trình hoạt động ngoại khóa / ngoại khóa liên quan đến thể thao, sau giờ học hoặc ngoại khóa trong trường học	3.24	0.891
4	CSCL4	Cơ quan quản lý giáo dục thành phố của chúng tôi có chính sách rõ ràng để hỗ trợ nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phân phối của chương trình GDTC trong trường học	3.18	0.862
5	CSCL5	Cơ quan quản lý giáo dục của thành phố có chính sách rõ ràng nhằm đạt được sự phát triển cơ hội bình đẳng cho cả hai giới trong chương trình GDTC của trường	3.27	0.909
6	CSCL6	Cơ quan giáo dục của thành phố có chính sách rõ ràng để giải quyết các vấn đề kinh tế trong việc phát triển các cơ hội học tập bình đẳng trong chương trình GDTC của trường	3.29	1.057

Qua bảng 8 có thể nhận thấy các biến quan sát đo lường chính sách chất lượng GDTC được giáo viên/giảng viên đánh giá ở mức bình thường, với mức ý nghĩa của thang đo Lirket 5

mức độ từ khoảng 3.18 đến 3.29 (độ lệch chuẩn chấp nhận được với $\delta=0.741-1.057$).

- **Kết quả thống kê mô tả nhân tố hiệu quả của chương trình GDTC (HQCT):**

Bảng 9. Kết quả thống kê mô tả nhân tố hiệu quả của chương trình GDTC (n=109)

TT	Mã hóa	Nội dung biến quan sát	$\bar{x}$	δ
1	HQCT1	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi hỗ trợ học sinh nâng cao trình độ trong các hoạt động thể chất và thể thao khác nhau	3.69	0.716
2	HQCT2	Kiến thức về cách thức hoạt động của cơ thể và mối quan hệ của nó với các hoạt động đang được giảng dạy tốt thông qua chương trình GDTC của trường	3.65	0.686
3	HQCT3	Kiến thức về các hoạt động thể thao và thể chất đang được học tốt thông qua chương trình GDTC của trường	3.76	0.651
4	HQCT4	Kiến thức về sự tăng trưởng và mối quan hệ của nó với các hoạt động được giảng dạy tốt thông qua chương trình GDTC ở trường	3.79	0.708
5	HQCT5	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi có các yếu tố giảng dạy giúp học sinh phát triển các kỹ năng vận động cơ bản của họ trong bối cảnh hoạt động thể chất thích hợp	3.84	0.709
6	HQCT6	Chương trình GDTC của thành phố chúng tôi là phương tiện hiệu quả nhất để trang bị cho trẻ em các kỹ năng, thái độ, giá trị, kiến thức và hiểu biết để tham gia suốt đời vào hoạt động thể chất và thể thao	3.72	0.668
7	HQCT7	Sự phát triển kỹ năng thể chất của học sinh đang được nâng cao một cách hiệu quả thông qua chương trình GDTC của trường chúng tôi	3.68	0.651

Qua bảng 9 có thể nhận thấy các biến quan sát đo lường hiệu quả của chương trình GDTC được giáo viên/giảng viên đánh giá gần ở mức đồng ý, với mức ý nghĩa của thang đo Lirket 5 mức độ từ khoảng 3.65 đến 3.84 (độ lệch chuẩn chấp nhận được với $\delta=0.651-0.716$). Qua đó, cho thấy hiệu quả của chương trình GDTC hiện nay mới chỉ trang bị cho các em những kỹ năng vận động cơ bản về thể thao.

2. Bàn luận về kết quả đánh giá chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương ứng dụng bộ câu hỏi QPE để khảo sát

Thực trạng chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương như sau: Các nhân tố được các giáo viên/giảng viên đánh giá ở mức đồng ý gồm: nhân tố phát triển các yếu tố hỗ trợ, nhân tố giá trị cốt lõi của chất lượng GDTC, nhân tố chiến lược quốc gia toàn diện; Các nhân tố được giáo viên/giảng viên đánh giá ở mức bình thường gồm: nhân tố tính linh hoạt của chương trình

GDTC và nhân tố chính sách chất lượng GDTC; Nhân tố quan hệ đối tác cộng đồng không được các giáo viên/giảng viên đánh giá cao; Nhân tố hiệu quả của chương trình GDTC mới chỉ trang bị cho các em những kỹ năng vận động cơ bản về thể thao.

Tóm lại, GDTC trong trường học là nội dung quan trọng, góp phần rèn luyện thể chất cho học sinh, nâng cao tính tự giác, chủ động rèn luyện, giúp các em đảm bảo sức khỏe cho hoạt động học tập và hình thành nhân cách công dân tương lai phát triển toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ. Thế nhưng thực tế hiện nay chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương chưa được đánh giá cao bởi nhiều nguyên nhân khác nhau: Hiện nhiều bài giảng về GDTC còn mang tính hình thức, lặp đi lặp lại từ nhiều năm, gây nhàm chán cho học sinh; Nhiều học sinh chỉ coi đây là môn học phụ nên không chú trọng đầu tư về thời gian; Các hoạt động TDTT còn mang tính phong trào, nên việc rèn luyện kỹ năng, thói quen luyện tập thể



Chương trình GDTC trong các trường học giúp học sinh nâng cao sức khỏe, phát triển tư duy và khả năng giải quyết vấn đề

thao thường xuyên của số đông học sinh chưa được như mong muốn; Môn học Thể dục còn cứng nhắc, chưa đáp ứng theo sở thích, năng khiếu của học sinh; Đặc biệt là thiếu quỹ đất đầu tư sân bãi... cho môn GDTC, nhất là ở đô thị; Chương trình môn học GDTC của các cấp học cấu trúc chưa cân đối, nhiều nội dung còn mang nặng tính kỹ thuật; Một số trường còn xem nhẹ việc thực hiện chương trình môn học GDTC, triển khai chương trình GDTC hình thức, kém hiệu quả; Hoạt động thể thao trường học hướng dẫn nội dung còn nghèo nàn, hình thức hoạt động đơn điệu, chưa thu hút được đông đảo lực lượng học sinh tham gia tập luyện TDTT; Nguồn lực đầu tư cho công tác GDTC và thể thao trường học chưa đáp ứng yêu cầu. Vì vậy, việc đổi mới, nâng cao chất lượng GDTC, thể thao trong trường học là yêu cầu cần thiết trong tổng thể đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay. Và phải được làm quyết liệt để thay đổi cả nhận thức, hành động về hoạt động GDTC và thể thao trường học. Trong đó, cách dạy, cách học môn Thể dục phải thay đổi để không còn là giờ học nhàm chán, GDTC không còn là môn phụ trong suy nghĩ của cả người dạy và người học.

KẾT LUẬN

Ứng dụng bộ câu hỏi QPE phiên bản tiếng Việt để khảo sát chất lượng GDTC một số trường học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương thông qua phỏng vấn các giáo viên/giảng viên đã cho kết quả đánh giá như sau:

Các nhân tố được đánh giá ở mức đồng ý gồm: nhân tố phát triển các yếu tố hỗ trợ, nhân tố giá trị cốt lõi của chất lượng GDTC, nhân tố chiến lược quốc gia toàn diện; Các nhân tố được đánh giá ở mức bình thường gồm: nhân tố tính linh hoạt của chương trình GDTC và nhân tố chính sách chất lượng GDTC; Nhân tố quan hệ đối tác cộng đồng không được các giáo viên/giảng viên đánh giá cao; Nhân tố hiệu quả của chương trình GDTC mới chỉ trang bị cho các em những kỹ năng vận động cơ bản về thể thao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bailey R., and Dismore H. (2004), *The Role of Physical Education and Sport in Education*, (Project report for the IVth MINEPS Conference, December 2004 Athens, Greece), Berlin, Christchurch University College, Canterbury and International Council of Sport Science and Physical Education.
 2. De Corby K., Halas J., Dixon S., Wintrup L., and Janzen H. (2005), "Classroom teachers and the challenges of delivering quality physical education", *The Journal of Educational Research*, 98, pp. 208-220;
 3. Novikov, Matveep (1990), *Lý luận và phương pháp GDTC*, (Dịch: Phạm Trọng Thanh, Lê Văn Lắm), Nxb TDTT, Hà Nội.
- (Bài nộp ngày 23/3/2025, phản biện ngày 14/4/2025, duyệt in ngày 29/4/2025)

1. Ban biên tập

79 năm Thể dục, thể thao Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Phát huy tính nhân văn của nền văn hóa thể thao Việt Nam

6. Trương Anh Tuấn; Nguyễn Tôn Hoài

Về một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế yếu kém của Thể dục thể thao nước ta và phương hướng khắc phục

BÀI BÁO KHOA HỌC

9. Đỗ Hữu Trường; Lưu Đình Tài

Đề xuất giải pháp phát triển nguồn lực tài chính trong hoạt động thể thao mạo hiểm tại Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

14. Nguyễn Văn Phúc; Nguyễn Công Hào

Ứng dụng phương pháp tập luyện vòng tròn nâng cao thành tích nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường Sĩ quan lục quân 1

19. Nguyễn Thái Huy Vũ

Đánh giá chất lượng giáo dục thể chất đối với một số trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương thông qua bộ câu hỏi QPE

27. Lê Cát Nguyên; Nguyễn Khoa Minh Duy

Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá tác động của công tác giáo dục thể chất đến sức khỏe thể chất của học sinh tiểu học

34. Đặng Đình Dũng

Thực trạng thể chất của học sinh các trường tiểu học một số quận, huyện Thành phố Hà Nội

41. Phùng Kim Giang

Lựa chọn bài tập huấn luyện thể lực chuyên môn cho nữ vận động viên Vật tự do lứa tuổi 16 – 17 Đội tuyển trẻ Quốc gia

46. Ngô Trung Kiên; Lưu Ngọc Thanh Trâm

Lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật đá ngang (Yeop Chagi) cho vận động viên biểu diễn môn Taekwondo

50. Phan Thanh Mỹ; Bùi Thiện Mến; Hồ Văn Cường

Đánh giá bài tập phát triển sức mạnh bật nhảy nâng cao hiệu quả đập bóng cho đội tuyển Bóng chuyền nữ sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing

55. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thế Ngọc

Thực trạng sự hài lòng của sinh viên với hoạt động đào tạo chuyên ngành Võ – Quyền anh, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

61. Lưu Thị Như Quỳnh; Vũ Minh Cường

Ảnh hưởng của chạy bộ đến điều nhiệt cơ thể trong môi trường nóng

67. Nguyễn Văn Hòa; Nguyễn Tất Tài

Đánh giá chất lượng giảng dạy học phần Công tác quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

74. Nguyễn Tất Dũng

Một số vấn đề về tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

78. Nguyễn Ngọc Quý

Bài tập thể lực tăng sức bền mạnh

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

1. Editorial board

79 years of Vietnamese Sports under the leadership of the Party and State

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

Promoting the humanity of Vietnamese sports culture

6. Truong Anh Tuan; Nguyen Ton Hoai

On some basic causes leading to the weaknesses of our country's Sports and solutions

ARTICLES

9. Do Huu Truong; Luu Dinh Tai

Proposing solutions to develop financial resources in adventure sports activities in the Northern Midlands and Mountains

14. Nguyen Van Phuc; Nguyen Cong Hao

Application of circle training method to improve obstacle overcoming performance of second-year students, Army officer School 1

19. Nguyen Thai Huy Vu

Assessing the quality of physical education for some schools in Ho Chi Minh City and Binh Duong province through the QPE questionnaire

27. Le Cat Nguyên; Nguyen Khoa Minh Duy

Building a set of standards to assess the impact of physical education on the physical health of primary school students

34. Dang Dinh Dung

Physical status of primary school students in some districts of Hanoi City

41. Phung Kim Giang

Selecting specialized physical training exercises for female Freestyle wrestlers aged 16-17 Team national youth

46. Ngo Trung Kien; Luu Ngoc Thanh Tram

Selected exercises to improve the effectiveness of side kick technique (Yeop Chagi) for Taekwondo performers

50. Phan Thanh My; Bui Thien Men; Ho Van Cuong

Evaluation of exercises to develop jumping strength and improve ball hitting efficiency for the female volleyball team of the University of Finance and Marketing

55. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen The Ngoc

Current status of student satisfaction with training activities in Martial Arts - Boxing, Bac Ninh Sports University

61. Luu Thi Nhu Quynh; Vu Minh Cuong

Effects of jogging on body thermoregulation in hot environments

67. Nguyen Van Hoa; Nguyen Tat Tai

Evaluation of the quality of teaching the subject of national defense and security at the Center for National Defense and Security Education

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

74. Nguyen Tat Dung

Some issues on self-assessment and accreditation of educational quality at Bac Ninh Sports University

78. Nguyen Ngoc Quy

Strong endurance exercise

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

p-ISSN 1859-4417

e-ISSN 3030-4822

**Số 2 -2025
(84)**

